

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 111/2020/HS-ST
Ngày 06 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 108/2020/TLST- HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111A/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo: Dương Văn T, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà a, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Trần Kim N, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 42/CATP ngày 16/3/2011, Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ném gạch đá vào người, dùng hung khí đánh nhau.

+ Tại Bản án số 197/2013/HSST ngày 29/8/2013, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”.

+ Tại Quyết định số 09/QĐ-VPHC ngày 14/01/2016, Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau, gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 30/4/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

* *Bị hại:* Chị Ngô Thùy T1, sinh năm 1995, trú tại: Thôn N, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trương Văn T, sinh năm 1989, trú tại: Thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn T, sinh năm 1993, ở số nhà a, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và chị Ngô Thùy T1, sinh năm 1995 ở thôn N, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2019. Do chị T1 thỉnh thoảng lên thành phố B nên T biết chị T1 có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu xanh đen, biển kiểm soát 99B1- 322.85. Chiều ngày 29/4/2020, do không có tiền chơi game nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của chị T1 để cầm cố lấy tiền chơi game. T sử dụng Facebook mang tên “Dương T” nhắn tin vào Facebook mang tên “Ngô Thùy T1” của chị T1, rủ chị T1 chiều tối cùng ngày lên thành phố B chơi, chị T1 đồng ý. T nhờ anh Dương Mạnh H, sinh năm 1998 ở khu phố M, phường T, thành phố B chở T đến nhà nghỉ A có địa chỉ ở số 01, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, thuê phòng “Vip 1” để chờ chị T1. Sau đó T nhắn tin thông báo cho chị T1 biết là đang ở phòng “Vip 1” của nhà nghỉ A ở phường N, thành phố B. Chiều tối cùng ngày 29/4/2020, do có công việc đột xuất nên chị T1 báo lại là không lên được và hẹn đến sáng hôm sau sẽ lên gặp T.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/4/2020, chị T1 điều khiển xe mô tô kiểm soát 99B1- 322.85 đến gặp rồi cùng T nghỉ ở phòng “Vip 1” của nhà nghỉ A. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị T1, T bảo chị T1 chuyển sang nhà nghỉ khác để tránh bị gia đình phát hiện. Chị T1 đồng ý giao xe và chìa khóa xe mô tô cho T điều khiển chở chị T1 đến nhà nghỉ H2 ở địa chỉ số 104, đường L, phường X, thành phố B thuê phòng nghỉ 403. T và chị T1 lên phòng khoảng 15 phút thì T nói dối chị T1 là xuống quầy lễ tân lấy chăn mang lên phòng để đắp, chị T1 tin T nói thật nên ở phòng nghỉ đợi không nghi ngờ gì. T đi xuống tầng 1 nhà nghỉ rồi đi vào khu vực để xe, dùng chìa khóa xe mở khóa xe và điều

khuyến xe mô tô của chị T1 đến quán karaoke Sunny ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, T đặt vấn đề vay của anh Trương Văn T2, sinh năm 1989 (là nhân viên của quán karaoke) ở thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 9.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô 99B1- XXX để làm tin, anh T2 đồng ý. Khi giao dịch, T và anh T2 có làm hợp đồng cho vay, T ký nhận vào bên vay. Sau đó, T đến cửa hàng điện thoại di động Tuấn Mobile ở ki ốt số 6, chợ H, phường T, thành phố B mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 mà trước đó T đã bán tại đây với giá 700.000 đồng. Số tiền còn lại 8.300.000 đồng, T khai mua thẻ điện thoại nạp vào T khoản chơi game thua hết.

Ngày 30/4/2020, chị Ngô Thùy T có đơn trình báo Công an thành phố B. Cùng ngày 30/4/2020, Dương Văn T đến Công an thành phố B đầu thú.

Ngày 30/4/2020, anh Trương Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu xanh đen, biển kiểm soát 99B1- XXX và 01 “Hợp đồng cho vay” (ký hiệu giám định A); chị Ngô Thùy T1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI 3569570644745707, lắp sim số 0949.382.560.

Ngày 02/5/2020, Cơ quan điều tra đã cho anh Trương Văn T nhận dạng, kết quả anh T2 nhận ra Dương Văn T là người đã cầm cố chiếc xe mô tô 99B1- XXX để vay tiền vào ngày 30/4/2020.

Tại Kết luận định giá T sản số 262/KL- HDDG ngày 04/5/2020, Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 99B1- XXX, số khung 5146GY007659, số máy JF51E0531234 đã qua sử dụng có trị giá 30.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 696/KL- KTHS ngày 27/5/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký trên T liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Dương Văn T trên các T liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết, ký ra.

Ngày 04/6/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 99B1- XXX cho chị Ngô Thùy T. Đến nay chị T1 không có yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự.

Đối với anh Trương Văn T là người cho T vay tiền nhận cầm cố chiếc xe 99B1- 322.85 nhưng không biết chiếc xe mô tô trên là T sản do phạm tội mà có, nên anh T2 không phạm tội tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có. Đến nay anh T2 yêu cầu T phải hoàn trả cho anh số tiền 9.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI là 3569570644745707, lắp sim số 0949.382.560 được nhập kho vật

chứng để xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi như nêu trên.

Cáo trạng số 115/KSĐT ngày 08/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã nêu, bị cáo đồng ý sẽ trả anh Trương Văn T 9.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trương Văn T yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả anh 9.000.000 đồng.

Bị hại vắng mặt nhưng có lời khai xác định sự việc như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”

2, Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 20 tháng đến 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2020.

3, Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI 3569570644745707, lắp sim số 0949.382.560 cho chị Ngô Thùy T.

4, Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ trả anh Trương Văn Thành 9.000.000 đồng.

5, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị hại được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của bị hại nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, của bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30/4/2020, tại nhà nghỉ H2 ở số 104, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Dương Văn T đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 99B1- XXX trị giá 30.000.000 đồng của chị Ngô Thùy T1, sinh năm 1995 ở thôn N, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng lòng tin của chị Ngô Thùy T1, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt T sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99B1-XXX, nhãn hiệu Honda SH Mode của chị Ngô Thùy T1. Hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu T sản được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự an ninh tại địa phương, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã 02 lần bị xử lý hành chính và bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản” theo Bản án số 197/2013/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2013.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[8] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, xét bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung để bị cáo yên tâm cải tạo thành người lương thiện.

[10] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Anh Trương Văn T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 9.000.000 đồng, bị cáo đồng ý trả nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả số tiền này cho anh T2.

[11] Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI là 3569570644745707, lắp sim số 0949.382.560 là T sản của chị T1 nên cần trả lại cho chị T1.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 579, Điều 580, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”

2, Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Dương Văn T 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 30/4/2020.

3, Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Dương Văn T có nghĩa vụ trả anh Trương Văn Thành 9.000.000 đồng.

4, Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5, Về vật chứng:

- Trả lại cho chị Ngô Thùy T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI 3569570644745707, lắp sim số 0949.382.560

6, Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7, Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TPB.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA